TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hanh phúc

Số: 159/2018/QĐST-DS
V/v tranh chấp " tranh chấp thừa kế"

Châu Thành, ngày 12 tháng 7 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ VỀ VIỆC GIẢI QUYẾT VỤ ÁN.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TIỀN GIANG.

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa bà **TRƯƠNG THỊ TUYẾT LINH**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông: **HUỲNH VĂN PHÓ**

2/ Ông: **NGUYỄN BỀN**

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa ông **TRẦN VĂN NHƠN** – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa ông **NGUYỄN THANH BÌNH** - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2016/TLST-DS ngày 02 tháng 3 năm 2016 về tranh chấp "Thừa kế" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2018/QĐST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị M** ; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp TH, xã LH, huyện CT - Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Văn M** ; Sinh năm: 1974

Địa chỉ: Ấp D, xã ĐH, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư **Võ Tuấn Vĩnh Thụy** - Văn phòng luật sư Võ Tuấn Vĩnh Thụy thuộc đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Nguyễn THị L** ; Sinh năm: 1963

2/ **Nguyễn THị H** ; Sinh năm: 1960

3/ **Tạ Thị Th** ; Sinh năm: 1971

Cùng địa chỉ: Ấp D, xã ĐH huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

4/ **Tạ Thị C** ; Sinh năm: 1949

Địa chỉ: Ấp K2A, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

5/ **Tạ Thị Ch** ; Sinh năm: 1970

Địa chỉ: Ấp T1, xã LĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

6/ **Nguyễn Văn T**; Sinh năm: 1964

Địa chỉ: Ấp LTA, xã LH, huyện CT- Tiền Giang.

(Chị Mi, anh M, chị H, chị C, chị L, chị Ch, anh T và luật sư có mặt, chị Th vắng mặt tại phiên tòa)

Xét thấy sự thỏa thuận của các đương sự tại Tòa là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật;

Căn cứ điều 246, 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điều 609, 610, 649, 650,651 và khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thỏa thuận giữa các anh chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị C, Nguyễn THị L , Nguyễn Thị Ch, Nguyễn Thị H và anh Nguyễn Văn T tại phiên tòa như sau:

- Đối với căn nhà có kết cấu cột bê tông cốt thép, vách tường, nền gạch tàu (nay anh M đã lát gạch men), mái ngói có diện tích 52,54m^2 cất trên thửa đất 606, tờ bản đồ sồ 2 loại đất thổ quả tọa lạc ấp D, xã ĐH, chuyện CT , tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 321812 ngày 19/11/1996 do UBND huyện Châu Thành cấp, chị M , chị C , chị H , anh T, chị L , chị Ch và anh M thống nhất không chia thừa kế, nếu sau này có yêu cầu sẽ phát sinh bằng vụ kiện khác.

- Đối với diện tích đất 74,4m^2 (phần còn lại của thửa 629) tờ bản đồ số 2 loại đất quả tọa lạc ấp D, xã ĐH, chuyện CT , tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 321812 ngày 19/11/1996 do UBND huyện Châu Thành cấp, chị M , chị C , chị H , anh T, chị L , chị Ch và anh M thống nhất giao cho anh M được quản lý sử dụng và kê khai đứng tên quyền sử dụng đất không yêu cầu chia.

- Đối với các diện tích đất còn lại là thửa 454 tờ bản đồ 2 qua đo đạc thực tế diện tích là 2.082,2m^2 và diện tích đất của thửa 606 tờ bản đồ số 2 qua đo đạc thực tế sau khi trừ diện tích căn nhà của ông Sáu và bà Thại (52,54m^2) còn lại diện tích là 6.357,46m^2, cả hai thửa đất trên tọa lạc ấp D, xã ĐH, chuyện CT , tỉnh Tiền Giang do ông Nguyễn Văn S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 321812 ngày 19/11/1996 do UBND huyện Châu Thành cấp, chị M , chị C , chị H , anh T, chị L , chị Ch và anh M thống nhất:

Chia cho chị Nguyễn Thị M diện tích 1.041,1m^2 đất, chia cho chị Nguyễn Thị C diện tích 1.041,1m^2 đất, cả hai phần đất được chia của chị M và chị C thuộc thửa 454 tờ bản đồ số 2, loại đất cây lâu năm tọa lạc ấp D, xã ĐH, chuyện CT , tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo).

Chia cho chị Nguyễn Thị Ch diện tích 1.065m^2 đất, chị Nguyễn THị L diện tích 1.018,4m^2 đất, anh Nguyễn Văn T diện tích 1.018,6m^2 đất, chị H diện tích 1.058m^2 đất và anh Nguyễn Văn M diện tích 1.363,76m^2 (đã trừ diện tích căn nhà của ông S và bà Th là 52,54m^2). Các phần đất được chia trên thuộc thửa 606 tờ bản đồ số 2 loại đất cây lâu năm tọa lạc ấp D, xã ĐH, chuyện CT , tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo).

Chia cho chị Nguyễn Thị Ch , Nguyễn THị L và anh Nguyễn Văn T diện tích 169,7m^2 thuộc thửa 606 tờ bản đồ số 2 loại đất cây lâu năm tọa lạc ấp D, xã ĐH, chuyện CT , tỉnh Tiền Giang (có sơ đồ kèm theo).

Chị M , anh M, chị C , chị H , chị L , chị Ch và anh T có nghĩa vụ hoàn giá trị cây trồng và chịu án phí trên phần diện tích đất được chia cho anh M.

Chị C có nghĩa vụ hoàn giá trị cây trồng cho anh M số tiền là 56.240.000đồng, chị M hoàn giá trị cây trồng cho anh M là 45.980.000đồng, anh T hoàn giá trị cây trồng cho anh M là 3.180.000đồng, chị L hoàn giá trị cây trồng cho anh M là 2.800.000đồng, chị H hoàn giá trị cây trồng cho anh M là 2.940.000đồng, thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm chị M phải chịu là 11.972.650 đồng, chị M đã nộp 5.000.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24394 ngày 01/3/2016 còn phải nộp tiếp 6.972.650đồng; chị C phải chịu là 11.971.500đồng, chị C đã nộp 1.250.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24784 ngày 07/6/2016 còn phải nộp tiếp 10.721.500đồng; chị H phải chịu 13.225.000đồng, chị H đã nộp 1.250.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24781 ngày 07/6/2016, chị H còn phải nộp tiếp 11.975.000đồng; chị L phải chịu là 12.730.000đồng, chị L đã nộp 1.250.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24783 ngày 07/6/2016 còn phải nộp tiếp 11.480.000đồng; chị Ch phải chịu là 13.312.500đồng, chị Ch đã nộp 1.250.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 24782 ngày 07/6/2016 còn phải nộp tiếp 12.062.500đồng; anh T phải chịu là 12.732.5000đồng, anh T đã nộp 1.500.000đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 25044 ngày 07/9/2016 còn phải nộp tiếp 11.232.500đồng; anh M phải chịu là 17.047.000đồng án phí dân sự sơ thẩm. Anh T, chị L , chị Ch liên đới chịu 2.121.250đồng tiền án phí.

Kể từ ngày anh M yêu cầu thi hành án, nếu chị M , chị C , anh T, chị L , chị H chậm thi hành khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm thi hành án được xác định theo khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự; thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TG
- VKSND HCT
- Chi cục THADS HCT
- Các đương sự
- Lưu

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Thị Tuyết Linh